

Số: **1570**/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày **06** tháng **7** năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả xếp hạng năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2021

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 4186/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2182/TTr-SKHĐT ngày 01/7/2022.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả xếp hạng năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2021.

*(Có Phụ lục I, II kèm theo)*

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

- Căn cứ kết quả xếp hạng năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức công bố theo quy định.

- Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tổ chức quán triệt, phân tích, đánh giá và xây dựng Kế hoạch cải thiện Chỉ số DDCI năm 2022 và các năm tiếp theo.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện./

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Liên đoàn TM&CN Việt Nam (VCCI);
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh;
- Các Ban thuộc Tỉnh ủy;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Huyện ủy; Thành ủy; HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên; Đài PT&TH tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Các Hiệp hội, Hội Doanh nghiệp;
- Lưu: VT, KT, TH.

Tuanle/QĐ.T7/50b

**CHỦ TỊCH**



**Trịnh Việt Hùng**

**Phụ lục I**  
**BẢNG XẾP HẠNG**

**Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành (DDCI) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2021**  
(Kèm theo Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 06 / 7 /2022 của UBND tỉnh)

TT	Sở, ban, ngành	Điểm chỉ số thành phần (Thang điểm 10)								DDCI (thang điểm 100)	Xếp loại năng lực điều hành	Thứ tự điểm DDCI năm 2021 (khối sở, ban ngành)
		CSTP 1: Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	CSTP 2: Chi phí không chính thức	CSTP 3: Chi phí thời gian	CSTP 4: Cạnh tranh bình đẳng	CSTP 5: Hỗ trợ Doanh nghiệp	CSTP 6: Thiết chế pháp lý	CSTP 7: Vai trò người đứng đầu	CSTP 8: Mức độ chuyển đổi số			
	<i>Trọng số (%)</i>	<i>15</i>	<i>10</i>	<i>10</i>	<i>10</i>	<i>15</i>	<i>10</i>	<i>15</i>	<i>15</i>	<i>100</i>		
1	Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên	8,92	8,95	9,00	8,68	8,74	8,82	8,84	9,32	89,17	Tốt	Thứ Nhất
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	8,89	8,70	8,86	8,75	8,80	8,86	8,91	8,82	88,29	Tốt	Thứ Hai
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	8,82	8,69	8,78	8,72	8,84	8,85	8,84	8,51	87,54	Tốt	Thứ Ba
4	Sở Tài chính	8,60	8,85	8,73	8,61	8,66	8,66	8,88	8,64	87,01	Tốt	Thứ Tư
5	Cục Thuế tỉnh	8,26	9,07	8,57	8,72	8,41	8,54	8,78	9,13	86,77	Tốt	Thứ Năm
6	Sở Giao thông vận tải	8,57	8,77	8,76	8,65	8,62	8,68	8,55	8,67	86,47	Tốt	Thứ Sáu
7	Ban Quản lý các khu công nghiệp Thái Nguyên	8,57	8,62	8,50	8,79	8,57	8,52	8,55	8,79	86,14	Tốt	Thứ Bảy
8	Thanh tra tỉnh	8,83	8,38	8,46	8,96	8,44	8,69	8,56	8,50	85,99	Tốt	Thứ Tám
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	8,58	8,63	8,53	8,48	8,47	8,76	8,68	8,45	85,67	Tốt	Thứ Chín
10	Sở Công Thương	8,41	8,58	8,55	8,49	8,40	8,40	8,46	8,58	84,79	Tốt	Thứ Mười
11	Sở Xây dựng	7,94	7,66	7,54	7,81	7,69	7,64	7,79	7,90	77,65	Tốt	Thứ Mười một
	<b>Điểm trung bình</b>	<b>8,58</b>	<b>8,63</b>	<b>8,57</b>	<b>8,61</b>	<b>8,51</b>	<b>8,58</b>	<b>8,62</b>	<b>8,66</b>	<b>85,96</b>		

**Phụ lục II**  
**BẢNG XẾP HẠNG**

**Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp địa phương (DDCI) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2021**  
(Kèm theo Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 06 / 7 /2022 của UBND tỉnh)

TT	Các huyện, thành phố	Điểm chỉ số thành phần (Thang điểm 10)									DDCI (thang điểm 100)	Xếp loại năng lực điều hành	Thứ tự điểm số DDCI năm 2021 (khỏi UBND các huyện, thành phố)
		CSTP 1: Tỉnh minh bạch và tiếp cận thông tin	CSTP 2: Chi phí không chính thức	CSTP 3: Chi phí thời gian	CSTP 4: Cạnh tranh bình đẳng	CSTP 5: Hỗ trợ Doanh nghiệp	CSTP 6: Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	CSTP 7: Vai trò người đứng đầu	CSTP 8: Mức độ chuyển đổi số	CSTP 9: Tiếp cận đất đai, mặt bằng và sản xuất kinh doanh			
	<i>Trọng số (%)</i>	15	10	10	10	10	10	15	10	10	100		
1	Thành phố Sông Công	8,69	8,63	8,41	8,67	8,65	8,71	8,60	8,59	8,71	86,30	Tốt	Thứ Nhất
2	Huyện Võ Nhai	8,60	8,84	8,26	8,55	8,74	8,44	8,59	8,62	8,72	85,95	Tốt	Thứ Hai
3	Thành phố Thái Nguyên	8,86	7,73	7,79	8,76	8,76	8,58	8,73	8,72	8,86	85,58	Tốt	Thứ Ba
4	Huyện Phú Lương	8,10	8,26	8,39	8,38	8,52	8,51	8,64	8,38	8,56	84,11	Tốt	Thứ Tư
5	Thành phố Phổ Yên	8,24	8,27	8,14	8,14	8,60	8,18	8,99	8,44	8,42	84,04	Tốt	Thứ Năm
6	Huyện Đồng Hỷ	8,07	8,36	8,30	8,44	8,34	8,47	8,56	8,47	8,43	83,75	Tốt	Thứ Sáu
7	Huyện Định Hóa	8,31	8,79	8,56	8,79	8,38	7,69	8,65	7,99	7,92	83,55	Tốt	Thứ Bảy
8	Huyện Đại Từ	8,31	8,44	8,05	8,44	8,53	8,56	8,41	7,97	8,23	83,32	Tốt	Thứ Tám
9	Huyện Phú Bình	7,95	8,02	8,01	8,04	8,18	8,32	8,07	8,05	8,60	81,25	Tốt	Thứ Chín
	<b>Điểm trung bình</b>	<b>8,35</b>	<b>8,37</b>	<b>8,21</b>	<b>8,47</b>	<b>8,52</b>	<b>8,38</b>	<b>8,58</b>	<b>8,36</b>	<b>8,49</b>	<b>84,21</b>		